

Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5 - 6 tuổi tại trường mầm non Liên Cơ, thành phố Lạng Sơn

Kiều Thị Chi*

*Trường mầm non liên cơ, thành phố Lạng Sơn

Received: 18/9/2024; Accepted: 26/9/2024; Published: 02/10/2024

Abstract: The new education law has been enacted, accompanied by regulations regarding the education program and guidelines for organizing teaching in preschool education, which have also changed. Teaching life skills to preschool children is one of the trends and goals of education today, as it not only meets educational standards but also helps children prepare solid life skills to enter the first grade. To organize effective life skills education activities, it cannot be separated from the management measures of educational administrators at the school.

Keywords: Life skills education, communication skills, problem-solving skills, emotional management skills, organizational management measures.

1. Đặt vấn đề

Nghị quyết 29/NQ-TW ngày 04/11/2013 của Trung ương về việc đổi mới căn bản toàn diện giáo dục, trong đó đề cập và nhấn mạnh nhiệm vụ giáo dục kỹ năng mềm và kỹ năng sống cho học sinh.

Đối với trẻ mầm non, giáo dục kỹ năng sống (GDKNS) đặc biệt là kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý cảm xúc sẽ giúp trẻ cho trẻ lĩnh hội những kiến thức, thái độ, các giá trị phù hợp với độ tuổi nhằm giúp trẻ rèn luyện, trải nghiệm trong thực tiễn cuộc sống, trò chơi, tình huống cuộc sống ... tạo điều kiện cho trẻ rèn luyện, trải nghiệm trong thực tiễn để trẻ có thể làm chủ bản thân, ứng xử tích cực với mọi người xung quanh, ứng phó, giải quyết các tình huống mà trẻ gặp phải.

Đối với trẻ 5-6 tuổi thì việc GDKNS còn đóng vai trò hết sức quan trọng. GDKNS không chỉ giúp trẻ lĩnh hội tri thức, phát triển các kỹ năng xã hội mà còn tạo nền tảng vững chắc bước vào lớp 1.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề lý luận

2.1.1. Kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống cho trẻ 5-6 tuổi

A.G.Covaliov (1994) cho rằng, kỹ năng là phương thức thực hiện hành động thích hợp với mục đích và những điều kiện hành động.

Tác giả Trần Trọng Thủy nghiên cứu kỹ năng và khẳng định: Kỹ năng là mặt kỹ thuật của hành động, con người nắm được cách hành động tức là có kỹ thuật hành động, có kỹ năng (Nguyễn Quang Uẩn, 2008).

Trong đại từ điển Tiếng Việt (2001) có viết: Kỹ

năng là khả năng vận dụng những kiến thức thu nhận được trong một lĩnh vực nào đó vào thực tế.

Có thể hiểu rằng: *Kỹ năng là sự thực hiện có hiệu quả một hành động hay một hoạt động nào đó bằng cách vận dụng những tri thức về phương thức thực hiện hành động phù hợp với những điều kiện hiện có nhằm đạt được mục đích đặt ra từ trước.*

UNESCO (1996) cho rằng kỹ năng sống (KNS) là năng lực cá nhân giúp cho việc thực hiện đầy đủ các chức năng và tham gia vào cuộc sống hàng ngày (Nguyễn Quang Uẩn, 2008).

Như vậy, *KNS là một tổ hợp phức tạp của một hệ thống các kỹ năng nói lên năng lực sống của con người, giúp con người thực hiện công việc và tham gia vào cuộc sống hàng ngày có kết quả, trong những điều kiện xác định của cuộc sống.*

Tác giả Nguyễn Quang Uẩn (2008), phân loại KNS thành 3 nhóm cơ bản sau:

- Nhóm kỹ năng về cuộc sống cá nhân;
- Nhóm kỹ năng quan hệ với người khác, với cộng đồng, với xã hội.
- Nhóm kỹ năng công việc.

Theo cách phân loại KNS dựa trên các lĩnh vực học tập (theo Bloom) bao gồm: Lĩnh vực nhận thức, Lĩnh vực tình cảm, lĩnh vực tâm vận động. Cụ thể:

Tựu chung lại, có thể thấy các KNS chia thành các nhóm cơ bản sau:

Nhóm kỹ năng nhận thức về bản thân.

Nhóm kỹ năng xã hội

Nhóm kỹ năng công việc.

Các nhóm kỹ năng này có tác động qua lại và hỗ

trợ, tương tác với nhau trong quá trình phát triển cá nhân.

Với các cách phân loại KNS ở trên, KNS bao gồm các nhóm kỹ năng sống nhận thức, nhóm kỹ năng giải quyết vấn đề, nhóm kỹ năng xúc cảm... trong bài viết này, tác giả tập trung vào 3 kỹ năng sống cơ bản như sau: Kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng giải quyết vấn đề; Kỹ năng quản lý cảm xúc.

Kỹ năng giao tiếp (KNGT) của trẻ 5- 6 tuổi là sự vận dụng các tri thức, kinh nghiệm của trẻ để thực hiện có hiệu quả quá trình tiếp xúc tâm lý trong việc thực hiện các mục tiêu giao tiếp và được thể hiện qua kỹ năng hiểu lời nói, kỹ năng sử dụng lời nói và kỹ năng thực hiện một số quy tắc thông thường. KNGT cơ bản của trẻ 5-6 tuổi được biểu hiện qua 3 nhóm kỹ năng đó là: Kỹ năng nghe hiểu lời nói giao tiếp; Kỹ năng sử dụng lời nói giao tiếp; Kỹ năng thực hiện một số quy tắc giao tiếp thông thường.

Kỹ năng giải quyết vấn đề (KNGQVĐ) của trẻ 5-6 tuổi là việc trẻ vận dụng kiến thức, hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân để xác định nhiệm vụ, vấn đề phát sinh giải quyết việc trong các tình huống từ đó hình thành và củng cố kỹ năng giải quyết vấn đề của bản thân trẻ. Biểu hiện của KNGQVĐ: Trẻ nhận biết được tình huống có vấn đề; Trẻ có nhu cầu, mong muốn để tìm hiểu về vấn đề và GQVĐ; Trẻ tập trung suy nghĩ và đưa ra cách giải quyết; Trẻ lựa chọn phương án tốt nhất để GQVĐ; Trẻ thực hiện theo cách đã lựa chọn; Trẻ biết đánh giá kết quả đã đạt được.

Kỹ năng quản lý cảm xúc (KNQLCX) của trẻ của trẻ 5-6 tuổi là khả năng thực hiện đúng yêu cầu trong từng thao tác của quá trình nhận diện, kiểm soát, điều chỉnh và sử dụng cảm xúc của bản thân để có kết quả và hợp lý dựa trên nền tảng tri thức, kinh nghiệm, hiểu biết đã có của mỗi trẻ từ đó hỗ trợ trẻ nhận biết và thể hiện, kiểm soát cảm xúc của bản thân. Các thành phần của kỹ năng quản lý cảm xúc của trẻ 5-6 tuổi bao gồm: Kỹ năng nhận diện cảm xúc của trẻ; Kỹ năng kiểm soát cảm xúc của bản thân; Kỹ năng điều khiển cảm xúc của bản thân; Kỹ năng sử dụng cảm xúc của bản thân.

2.1.2. Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống trong trường mầm non

Quản lý là quá trình tổ chức thực hiện những chủ trương đường lối, chính sách nhiệm vụ thông qua các phương pháp, cách thức hoạt động, làm việc của cá nhân và tập thể nhằm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quản lý phù hợp với yêu cầu và điều kiện của từng đơn vị (Dương Thị Kim Oanh, 2018).

Quản lý hoạt động GDKNS trong trường mầm non được biểu hiện thông qua quản lý mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học, quản lý đội ngũ cán bộ, giáo viên; quản lý người học và chất lượng GDKNS. Cụ thể:

Quản lý kế hoạch, nội dung, chương trình, hình thức thực hiện các hoạt động GDKNS;

Quản lý về đội ngũ thực hiện GDKNS trong nhà trường;

Quản lý các điều kiện hỗ trợ thực hiện hoạt động GDKNS.

Hình thức GDKNS cho trẻ mầm non: GDKNS qua các giờ học trên lớp hoặc lồng ghép trong các môn học; GDKNS thông qua các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; GDKNS thông qua các hoạt động trải nghiệm.

2.2. Tổ chức nghiên cứu

2.2.1. Giới hạn nội dung

Bài viết tập trung vào giáo dục các KNS sau đây: Kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng giải quyết vấn đề; Kỹ năng quản lý cảm xúc cho trẻ 5-6 tuổi.

2.2.2. Giới hạn khách thể

30 giáo viên mầm non và các nội dung quản lý hoạt động GDKNS tại trường MN Liên Cơ.

2.2.3. Phương pháp nghiên cứu

Bao gồm các phương pháp nghiên cứu lý luận văn bản, các phương pháp nghiên cứu thực trạng (hương pháp điều tra; Phương pháp quan sát; Phương pháp đàm thoại, phỏng vấn...) và phương pháp xử lý số liệu thống kê toán học.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Thực trạng tổ chức GDKNS tại trường MN Liên Cơ

a. Nhận thức về nội hàm khái niệm KNS với trẻ mầm non của giáo viên Trường MN Liên Cơ

Nhận thức của giáo viên trường MN Liên Cơ ở mức khá tốt (ĐTB 1.47 điểm) về khái niệm KNS. Trong đó có một số mệnh đề được tỉ lệ giáo viên rất đồng ý ở mức rất cao là “Là kỹ năng làm cho con người ứng xử tốt hơn” (83.33% và 1.8 điểm), đây là cách hiểu đơn giản, gần gũi trong đời sống. Tiếp đến là mệnh đề “Là các kỹ năng giúp con người thực hiện công việc và tham gia vào cuộc sống hàng ngày có kết quả, trong những điều kiện xác định của cuộc sống” (66.67% và ĐTB 1.5 điểm). Mệnh đề ít được đồng ý nhất là “Là năng lực cá nhân giúp cho việc thực hiện đầy đủ các chức năng và tham gia vào cuộc sống hàng ngày” (1.33 điểm).

b. Vai trò của việc giáo dục kỹ năng sống với trẻ 5-6 tuổi Trường MN Liên Cơ

Nhận thức của giáo viên trường MN Liên Cơ về vai trò của các kỹ năng sống rất quan trọng với trẻ (TBC = 1.82 điểm). Trong đó có một số vai trò được GV đánh giá rất cao như “Giúp trẻ hiểu biết và hiểu bài tốt hơn” và “Giúp trẻ có các kỹ năng nền tảng để vào lớp 1” (100% GV đánh giá rất quan trọng với ĐTB = 2.0 điểm). các vai trò đối với giao tiếp và giải quyết vấn đề cũng được đánh giá cao như “Giúp trẻ giao tiếp, kết nối với thầy cô giáo và bạn bè tốt hơn” (1.87 điểm và 86.67% GV rất đồng ý); “Giúp trẻ nắm bắt được yêu cầu của GV một cách nhanh chóng” (1.81 điểm). Như vậy, GV đánh giá vai trò của kỹ năng sống rất đa dạng, các vai trò đó quan trọng hơn cả là đối với bản trẻ rồi mới đến GV.

c. Mức độ biểu hiện kỹ năng giao tiếp của trẻ 5-6 tuổi và mức độ rèn luyện của giáo viên Trường MN Liên Cơ

Kết quả khảo sát cho thấy kỹ năng giao tiếp của trẻ thể hiện ở mức độ trung bình. Trong đó, kỹ năng sử dụng lời nói giao tiếp trong thực hiện nhiệm vụ giờ học (1.46 điểm) biểu hiện rõ ràng hơn cả. Thứ hai, là kỹ năng nghe hiểu lời nói giao tiếp trong thực hiện nhiệm vụ được giáo viên giao biểu hiện rõ ràng hơn cả (ĐTB = 1.16 điểm). Kỹ năng khởi xướng chủ đề giao tiếp trong thực hiện nhiệm vụ học tập và kỹ năng thực hiện một số quy tắc giao tiếp thông thường qua trò chơi, nhiệm vụ học tập có điểm biểu hiện ngang nhau (1.13 điểm).

d. Mức độ biểu hiện kỹ năng giải quyết vấn đề của trẻ 5-6 tuổi và mức độ rèn luyện của giáo viên Trường MN Liên Cơ

Mức độ biểu hiện kỹ năng giải quyết vấn đề trong học tập, vui chơi của trẻ 5- 6 tuổi Trường MN Liên Cơ và mức độ rèn luyện của GV đều ở mức trung bình.

Trong những tiêu chí đánh giá mức độ biểu hiện kỹ năng giải quyết vấn đề của trẻ có một số tiêu chí khá nổi bật như khả năng “Trẻ có nhu cầu, mong muốn để tìm hiểu về vấn đề và GQVĐ” (1.57 điểm), “Trẻ lựa chọn phương án tốt nhất để GQVĐ” (1.47 điểm). Các biểu hiện khác của kỹ năng giải quyết vấn đề ở trẻ chưa thể hiện rõ ràng như: “Trẻ nhận biết được tình huống có vấn đề” ở mức độ biểu hiện thấp nhất (0.97 điểm). “Trẻ biết đánh giá kết quả đã đạt được”, “Trẻ thực hiện theo cách đã lựa chọn” (1.13- 1- 33 điểm).

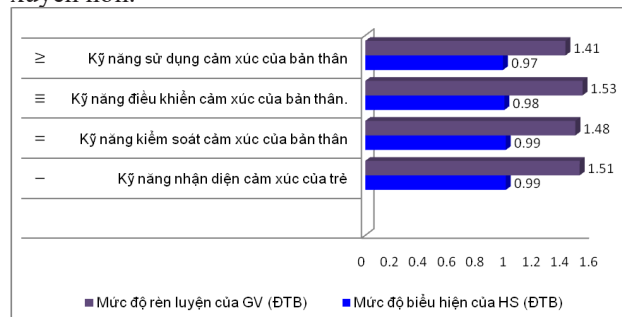
GV cũng đã chú trọng rèn kỹ năng giải quyết vấn

đề cho trẻ 5- 6 tuổi. Trẻ nhận biết được tình huống có vấn đề ở mức rất thấp (0.97 điểm) do đó GV cũng chú trọng rèn biểu hiện này hơn so với những biểu hiện còn lại (1.53 điểm). Tiếp đến là rèn biểu hiện trẻ có mong muốn giải quyết vấn đề và thực hiện theo cách đã chọn (1.43 điểm). Việc rèn cho trẻ biết lựa chọn cách giải quyết và tập trung suy nghĩ giải quyết có điểm số rèn luyện thấp hơn so với các biểu hiện còn lại.

e. Mức độ biểu hiện kỹ năng quản lý cảm xúc của trẻ 5-6 tuổi và mức độ rèn luyện của giáo viên Trường MN Liên Cơ

Mức độ biểu hiện của các tiêu chí kỹ năng quản lý cảm xúc của trẻ biểu hiện ở mức thấp (trung bình từ 0.97- 0.99 điểm). Thấp nhất là biểu hiện của “kỹ năng sử dụng cảm xúc của bản thân” (0.97 điểm), “kỹ năng điều khiển cảm xúc của trẻ” (0.98 điểm) cũng biểu hiện rất thấp. “kỹ năng nhận diện và kiểm soát cảm xúc có biểu hiện cao hơn nhưng không đáng kể (0.99). Trẻ 5- 6 tuổi còn khá nhỏ do đó việc thể hiện cảm xúc mang tính tự chủ còn nhiều hạn chế. Điều này phù hợp với đặc điểm phát triển tâm lý lứa tuổi.

Từ việc biểu hiện các kỹ năng cảm xúc của trẻ ở mức thấp do đó mức độ rèn luyện của GV ở mức cao hơn. GV chú trọng rèn “Kỹ năng điều khiển cảm xúc của bản thân” (1.53 điểm), tiếp đến là “Kỹ năng nhận diện cảm xúc của trẻ” (1.51 điểm), còn các “Kỹ năng kiểm soát cảm xúc của bản thân” và “Kỹ năng sử dụng cảm xúc của bản thân” ít được GV rèn thường xuyên hơn.



Biểu đồ 1. Mức độ biểu hiện kỹ năng quản lý cảm xúc trẻ 5-6 tuổi và mức độ rèn luyện của giáo viên Trường MN Liên Cơ

g. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục KNS cho trẻ 5-6 tuổi Trường MN Liên Cơ

Các yếu tố chủ quan ảnh hưởng rất mạnh mẽ (2.00 điểm), các yếu tố khách quan có ảnh hưởng ở mức cận trên của trung bình (1.75 điểm). Các yếu tố chủ quan, như nhận thức của trẻ; thái độ, tính cách của trẻ; hứng thú của trẻ; năng lực của trẻ đều đạt 100%

GV đánh giá mức rất ảnh hưởng, ĐTB = 2.00 điểm.

Nhóm các yếu tố khách quan có yếu tố “Sự nhiệt tình, lòng yêu mến trẻ của GV” đạt mức rất ảnh hưởng với 100% GV nhất trí và ĐTB = 2.00 điểm. Tiếp đến là yếu tố “Trình độ, kinh nghiệm của GV” (1.87 điểm). Các yếu tố “Thái độ, tính cách của GV”, “Chủ trương, mục đích giáo dục của Nhà trường”.

Tuy nhiên, đối với trẻ 5- 6 tuổi các em chưa tự chủ và có thể chủ động học tập rèn luyện được, vì vậy các yếu tố khách quan như GV, điều kiện của Nhà trường, chủ trương của Nhà trường là yếu tố rất quan trọng.

3. Kết luận

GDKNS là hoạt động quan trọng và được Nhà trường chú trọng. Do đó, Nhà trường cần xây dựng và ban hành kế hoạch GDKNS từ đầu năm học để định hướng cho các hoạt động giáo dục, dạy học của các khối lớp, của GV. Đầu tư cơ sở vật chất, tạo môi trường giáo dục thân thiện, tích cực cho GV cống hiến và trẻ học tập, rèn luyện. Tạo cơ chế, chế độ động viên, khích lệ cho GV cống hiến, giáo dục. Tạo điều kiện cho GV được đi học tập, trao đổi kinh nghiệm về giáo dục, GDKNS. Mời các chuyên gia

về bồi dưỡng, tập huấn cho GV trong trường về các nội dung chuyên môn, nội dung GDKNS, GDKNS trong hoạt động học tập, vui chơi và các hoạt động sinh hoạt.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Ngọc Bé và cộng sự (2024), đã nghiên cứu đề tài “Thực trạng hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa. Tạp Chí Giáo dục, 24(số đặc biệt 1), 165–170

2. Nguyễn Quang Uẩn (2008). Khái niệm kỹ năng sống xét theo góc độ Tâm lý học. Tạp chí Tâm lý học, số 6 (111), 6-2008, tr1.

3. Nguyễn Thị Văn (2024). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo trong các trường mầm non thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội theo hướng xây dựng “Trường học hạnh phúc”. Tạp Chí Giáo dục, 24(số đặc biệt 3), 178–182.

4. Nguyễn Thị Hồng Vân (2016). Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non nhìn từ thực tiễn. Tạp chí khoa học giáo dục, số 129 - tháng 6/2016

5. Dương Thị Kim Oanh (2018). Tâm lý học quản lý. NXB SP TP Hồ Chí Minh.

Giải pháp nâng cao hoạt động (Xem tiếp trang 332)

Bên cạnh đó, nhà trường cũng cần có một cơ chế thoáng và tạo kiện thuận lợi cho GV của Khoa Giáo dục Thể chất - Giáo dục Quốc phòng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường trong việc triển khai và xét duyệt các đề án, đề tài nghiên cứu đa ngành, liên ngành có giá trị khoa học và thực tiễn cao. Thực hiện tốt cơ chế đầu thầu, đặt hàng, khoán kinh phí đề tài khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cho cá nhân, nhóm nghiên cứu, đồng thời cần vận động và tranh thủ được các nguồn tài trợ, xây dựng mô hình liên kết giữa nhà trường với các doanh nghiệp nhằm chuyển giao các sản phẩm nghiên cứu, có cơ chế phân chia sản phẩm và lợi ích một cách hợp lý.

3. Kết luận

Hoạt động NCKH của Khoa Giáo dục Thể chất - Giáo dục Quốc phòng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường trong thời gian qua đã có những những tiến bộ và kết quả nhất định. Để tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng và số lượng các đề tài nghiên cứu khoa học, đòi hỏi phải phối hợp đồng bộ nhiều giải pháp. Các giải pháp ở trên đều có mối quan hệ biện chứng với nhau, có vai trò khác nhau trong việc

quản lý nâng cao chất lượng hiệu quả công tác NCKH ở Khoa Giáo dục Thể chất - Giáo dục Quốc phòng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường hiện nay. Vì vậy, Khoa Giáo dục Thể chất - Giáo dục Quốc phòng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường cần phải căn cứ vào tình hình thực tiễn, tầm quan trọng và ý nghĩa vai trò của mỗi giải pháp mà chỉ đạo thực hiện sao cho có hiệu quả và phù hợp, cùng với sự quyết tâm và đồng thuận của toàn bộ cán bộ, GV của toàn đơn vị, góp phần nâng cao chất lượng NCKH, chất lượng đào tạo ở Khoa Giáo dục Thể chất - Giáo dục Quốc phòng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Thị Hồng (2019), *Một số giải pháp nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học cho cán bộ, GV ở Đại học Thái Nguyên*, Tạp chí Giáo dục, số 451, tr 17 – 23.

2. Lâm Quang Thành (2011), *Phát triển khoa học công nghệ ở trường Đại học Thể dục thể thao TP.HCM trong giai đoạn mới* Kỷ yếu Hội nghị khoa học TDTT quốc tế lần VII.